

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Khổng Thị N, sinh năm 1995

Nơi ĐKKH: Thôn C, xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Khương Văn M, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt),

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30/01/2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Khổng Thị N trình bày: Chị và anh Khương Văn M kết hôn vào ngày 20/10/2014,

có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Kết hôn xong chị về chung sống cùng gia đình anh M. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và vợ chồng chị ly thân nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh M.

Con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Khương Huyền T, sinh ngày 21/12/2015 và Khương Như Q, sinh ngày 29/7/2017 (cháu T đang ở cùng chị; cháu Q đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh M). Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu T và cháu Q, không yêu cầu anh M phải đóng góp nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Khương Văn M quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh M là bà Trần Thị T (bà T là mẹ đẻ của anh M) cho biết: Hiện tại anh M đi làm ăn, không rõ địa chỉ ở đâu nhưng anh M vẫn thỉnh thoảng liên lạc, về thăm nhà, các lần Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải bà T đều nhận được và đã gửi thông báo lại cho anh M, nhưng do bận công việc nên không thể đến Tòa án giải quyết ly hôn được; về con chung: như chị N trình bày là đúng và bà đề nghị để chị N nuôi cháu Khương Huyền T và để anh M nuôi cháu Khương Như Q; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: vợ chồng anh M, chị N không có gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Anh Khương Văn M là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị N được ly hôn anh M. Về con chung: giao cho chị N nuôi cháu Khương Huyền T và cháu Khương Như Q. Anh M không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị N; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ,

công sức: không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Không Thị N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Khương Văn M có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh Khương Văn M nhưng anh Khương Văn M không đến Tòa để làm việc. Tòa án đã tiến hành thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đến gia đình của anh Khương Văn M nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Không Thị N và anh Khương Văn M là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và không bảo ban được nhau nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm nên xin được ly hôn anh M.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết việc chị N xin ly hôn nhưng anh M cố tình vắng mặt, không có lý do. Như vậy phần nào thể hiện anh M không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, anh M không đến Tòa án để làm việc, để thể hiện quan điểm của anh về con chung cũng như chứng minh điều kiện nuôi con của anh nên việc giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng không đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Do vậy, cần giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung là cháu Khương Huyền T, sinh ngày 21/12/2015 và Khương Như Q, sinh ngày 29/7/2017 (cháu T đang ở cùng chị N; cháu Q đang ở cùng gia đình anh M), chị N không yêu cầu anh M đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh M không có mặt nên không có quan điểm và đề nghị của anh về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, khi nào anh M đề nghị sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Khổng Thị N được ly hôn anh Khương Văn M.

[2] Về con chung: Giao cho chị Khổng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Khương Huyền T, sinh ngày 21/12/2015 và Khương Như Q, sinh ngày 29/7/2017. Anh M không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị Khổng Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0006586 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga